

TÌM HIỂU MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO TRONG HỆ THỐNG TÔN GIÁO VIỆT NAM

NGUYỄN TẮT ĐẠT^(*)

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo. Hầu hết các tôn giáo lớn trên thế giới đều có mặt ở Việt Nam như: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành giáo, Islam giáo, v.v...

Phật giáo truyền vào Việt Nam rất sớm. Tuy từng giai đoạn có sự thăng trầm khác nhau, nhưng cho đến nay, tôn giáo này vẫn có đông tín đồ và có vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của người Việt Nam. Khi tìm hiểu về Phật giáo Việt Nam, các nhà nghiên cứu đã chỉ ra một số đặc điểm đặc trưng nhất của tôn giáo này như tính dân gian, tính thống nhất⁽¹⁾, tính vùng - tộc người, tính phức hợp⁽²⁾, v.v...

Kế thừa những kết quả nghiên cứu đi trước, trong bài viết này, chúng tôi mạnh dạn nêu thêm một số đặc điểm của Phật giáo trong hệ thống tôn giáo Việt Nam.

II. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO TRONG HỆ THỐNG TÔN GIÁO VIỆT NAM

Nếu so sánh với các tôn giáo đã và đang hiện diện tại Việt Nam, có thể nhận thấy, Phật giáo có một số đặc điểm dưới đây:

2.1. Phật giáo du nhập vào Việt Nam rất sớm bằng con đường giao lưu thương mại hoà bình

Người Việt cổ do đời sống sản xuất nông nghiệp lúa nước nên sự lệ thuộc vào thời tiết, khí hậu là rất lớn. Điều đó dẫn đến tâm lí sùng bái các hiện tượng tự nhiên. Đó là một trong những lí do nảy sinh tín ngưỡng tôn giáo đa thần từ rất sớm của người Việt: “Về phương diện tôn giáo cứ theo các truyền kì đời trước thì ta có thể đoán rằng tổ tiên ta ở đời thượng cổ tín ngưỡng một thứ tự nhiên đa thần giáo, tin rằng các hiện tượng và thế lực tự nhiên ở trong vũ trụ, đều có thần linh chủ trương”⁽³⁾.

Tín ngưỡng vật linh không chỉ tồn tại trong dân gian mà còn xuất hiện trong cung đình với những việc triều chính quan trọng như xây thành, đắp lũy, tiêu biểu như sự kiện xây thành Cổ Loa của triều Âu Lạc: “Bấy giờ đắp thành ở Việt

*. ThS., Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Xem: Nguyễn Duy Hinh. *Về hai đặc điểm Phật giáo Việt Nam*, trong: Nguyễn Duy Hinh. *Một số bài viết về Tôn giáo học*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 2007, tr.251-271.

2. Xem: Nguyễn Quốc Tuấn (chủ nhiệm). *Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỉ XX*. Đề tài khoa học cấp Bộ. Hà Nội 2005, tr.84-135.

3. Đào Duy Anh. *Việt Nam văn hoá sử cương*. Nxb Văn hoá Thông tin. Hà Nội 2006, tr.219.

Thường, rộng hơn nghìn trượng, như hình tròn ốc, nên gọi là loa thành, lại có tên là Tư Long (người đời đường gọi là thành Côn Lôn, vì là thành rất cao). Thành cứ đắp cao rồi lại sụt, vua lấy làm lo, mới trai giới để khấn trời đất và thần kì núi sông, rồi hưng công đắp lại”⁽⁴⁾.

Như vậy, ngay từ khi lập quốc, người Việt đã có tín ngưỡng đa thần. Chính đặc điểm này về sau ảnh hưởng rất nhiều đến sự tiếp thu và hình thành các tôn giáo ở Việt Nam.

Phật giáo được truyền vào Việt Nam khi nào? Các nhà khoa học đã dày công nghiên cứu vấn đề này. Theo Lê Mạnh Thát, đạo Phật vào Việt Nam từ thời Hùng Vương, với những Phật tử đầu tiên là Chủ Đồng Tử và công chúa Tiên Dung. Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu lại cho rằng, Phật giáo vào Việt Nam vào khoảng đầu Công nguyên, trực tiếp từ Ấn Độ truyền sang chứ không phải từ Trung Quốc truyền xuống.

Theo Nguyễn Lang: “Phật giáo vào Việt Nam từ khoảng đầu kỉ nguyên Tây lịch. Tài liệu chắc chắn cho biết rằng vào hạ bán thế kỉ thứ hai, tại nước ta đã có một trung tâm Phật giáo phồn vinh và quan trọng rồi, nhưng có thể đạo Phật đã du nhập vào nước ta trong thế kỉ đầu của kỉ nguyên”⁽⁵⁾.

Nguyễn Thanh Xuân, trên cơ sở các kết quả nghiên cứu sử học, cũng thừa nhận Phật giáo vào Việt Nam rất sớm: “Phật giáo truyền vào nước ta từ rất sớm. Theo hiểu biết hiện nay của giới nghiên cứu lịch sử, thì Phật giáo vào Việt Nam từ những năm đầu Công nguyên. Chính sử Trung Quốc cũng ghi nhận rằng vào những năm đầu Công nguyên, trong khi

miền nam Trung Quốc chưa biết đến Phật giáo thì ở Luy Lâu (thuộc Thuận Thành, Bắc Ninh ngày nay) đã có một trung tâm Phật giáo và Phật học khá phồn thịnh, tương đương với trung tâm Lạc Dương, kinh đô của Đông Hán và Bành Thành của nước Sở”⁽⁶⁾.

Nguyễn Duy Hình thì khẳng định, Phật giáo Việt Nam đầu tiên phải từ Ấn Độ truyền tới chứ không phải từ Trung Quốc truyền sang: “Như vậy, Phật giáo Việt Nam thuộc Nam truyền, trực tiếp với Ấn Độ qua đường hàng hải quốc tế Tây - Đông, sau đó ngược lên Giang Nam hội ngộ với dòng Bắc truyền”⁽⁷⁾.

Như vậy, nếu đặt trong hệ thống tôn giáo Việt Nam, thì rõ ràng Phật giáo cùng với Nho giáo và Đạo giáo là những tôn giáo ngoại sinh có mặt sớm nhất ở nước ta.

Hiện nay, Nho giáo và Đạo giáo không còn tồn tại với tư cách là một tổ chức tôn giáo (trong danh mục tôn giáo được Nhà nước Việt Nam công nhận và cho phép hoạt động không có Nho giáo và Đạo giáo). Riêng với Phật giáo, từ khi du nhập vào Việt Nam đến nay, tuy có từng thời kì thăng trầm khác nhau, nhưng Phật giáo vẫn tồn tại với tư cách là tôn giáo lớn ở Việt Nam với số lượng tín đồ đông nhất: “Hiện nay, Phật giáo cả nước có trên 10 triệu tín đồ, hơn 35 ngàn tăng ni, hơn 15

4. *Đại Việt sử kí toàn thư, Tập 1*. Nxb Văn hoá Dân tộc. Hà Nội 2006, tr.74.

5. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*. Nxb Văn học. Hà Nội 2000, tr.23.

6. Nguyễn Thanh Xuân. *Một số tôn giáo ở Việt Nam*. Nxb Tôn giáo. Hà Nội 2005, tr.75.

7. Nguyễn Duy Hình. *Phật giáo Việt Nam: Hôm qua-Hôm nay*, trong: Nguyễn Duy Hình. *Một số bài viết về Tôn giáo học*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội 2007, tr.312.

ngàn ngôi chùa, có 3 học viện Phật giáo, 31 trường trung cấp Phật học”⁽⁸⁾.

Có nhiều cách giải thích về khả năng tồn tại và phát triển của Phật giáo ở Việt Nam. Nhưng theo chúng tôi, tính yêu thương con người, gần gũi với nhân dân lao động của Phật giáo là nguyên nhân chính khiến tôn giáo này được đón nhận, tiếp thu và có sức sống sâu bền trong đời sống tâm linh người Việt.

Con đường truyền giáo của đạo Phật vào Việt Nam là con đường hoà bình thông qua giao lưu thương mại: “Do đạo Phật đến Việt Nam bằng con đường hoà bình, giáo lí của đạo Phật về bình đẳng bác ái, cứu khổ cứu nạn gần gũi với tín ngưỡng, văn hoá truyền thống của cư dân Việt Nam, nên dễ dàng được cư dân Việt Nam chấp nhận”⁽⁹⁾.

Trong thời kì Bắc thuộc, mặc dù Phật giáo Trung quốc có ảnh hưởng đến Việt Nam, nhưng trước đó, Phật giáo đã đến Việt Nam một cách hoà bình và bước đầu đặt được nền tảng trong đời sống cư dân Việt: “Trung tâm Phật giáo Luy Lâu được thiết lập do sự viếng thăm của thương gia và tăng sĩ Ấn Độ tới bằng đường biển, đó là một điều tất cả các học giả đều phải đồng ý. Phật giáo tại Giao Châu là từ Ấn Độ truyền sang trực tiếp, không phải là từ Trung Hoa truyền xuống”⁽¹⁰⁾.

Truyền giáo vào Việt Nam bằng con đường hoà bình đã làm cho Phật giáo gần gũi hơn với dân tộc, dễ chiếm được cảm tình của cư dân Việt Nam hơn so với các tôn giáo ngoại sinh khác.

2.2. Phật giáo là tôn giáo có sự ảnh hưởng lớn đến lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc

Trong thời kì Bắc thuộc, chế độ hà khắc của phong kiến Trung Quốc làm cho sự học tập của người dân Việt bị hạn chế. Do kẻ sĩ người Việt bị xét nét nên lúc đó các vị tăng sĩ đã dùng chùa chiền để dạy chữ, chữa bệnh, chia sẻ và khơi dậy lòng yêu nước, ý thức độc lập, tự chủ của quốc gia trong mỗi người dân: “Là những người có học và gần gũi với dân chúng mà không thuộc về giai cấp thống trị theo đuổi chính quyền đô hộ, cố nhiên các nhà sư này thông cảm và chia sẻ những nỗi khổ của người dân; do đó các chùa đã trở nên những trung tâm xây dựng ý thức độc lập quốc gia”⁽¹¹⁾.

Trong lịch sử, nhiều tăng sĩ đã để lại dấu ấn trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như xây dựng đất nước. Thiền sư Vạn Hạnh đã có công rất lớn đối với cả hai triều đại Tiền Lê và Lý. Thiền sư đã giúp Lê Đại Hành đánh tan quân xâm lược Tống: “Vua Lê Đại Hành rất tôn kính ông (Thiền sư Vạn Hạnh). Năm 938, Hầu Nhân Bảo nhà Tống mang quân sang đóng ở núi Cương Giáp Lãng định xâm chiếm Việt Nam. Vua triều Vạn Hạnh vào hỏi nếu đánh thì thắng hay bại. Vạn Hạnh nói thắng nội trong vòng từ ba đến bảy ngày. Lời nói này quả về sau ứng nghiệm. Khi vua Lê Đại Hành muốn can thiệp vào Chiêm Thành để cứu sứ giả bị Chiêm Thành bắt giữ nhưng còn do dự, thì Vạn Hạnh nói đây là cơ hội đừng để mất. Về sau quả y lời trăn ấy

8. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. *Lí luận về tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*. Nxb Tôn giáo. Hà Nội 2007, tr.125.

9. Ban Văn hoá Tư tưởng Trung ương. *Vấn đề tôn giáo và công tác tôn giáo ở cơ sở*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội 2005, tr.42.

10. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*. Nxb Văn học. Hà Nội 2000, tr.26.

11. Nguyễn Lang. Sdd, tr.135.

quân Lê thành công”⁽¹²⁾. Ông cũng là người đóng góp to lớn trong việc chuyển giao quyền lực từ nhà Tiền Lê sang nhà Lý một cách hoà bình bằng cách đưa Lý Công Uẩn, một người tài năng và đức độ lên ngôi vua, mở ra kỉ nguyên rực rỡ của Đại Việt. Ông còn là một trong những kiến trúc sư của việc hình thành nên kinh đô Thăng Long, một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá cho các triều đại phong kiến Việt Nam đương thời và sau này: “Ta có nhiều lí do để tin rằng quốc sư Vạn Hạnh, thầy của Lý Công Uẩn là người đã thuyết phục vua này dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long trong ý nguyện bảo vệ nền độc lập được lâu dài. Theo bài *Chiếu dời đô* của Lý Thái Tổ: “Đất Hoa Lư là nơi thế địa không dài, vận số ngắn ngủi, trăm họ hao tổn vạn vật không nên, trong khi đất Thăng Long thì ở giữa khu vực trời đất, có địa thế rộng cuộn hổ ngồi, ở giữa Bắc Nam Đông Tây, tiện hình thế núi sông sau trước đất rộng mà bằng phẳng, chỗ cao mà sáng sủa, dân cư không khổ vì ngập lụt, muôn vật rất thịnh mà phồn vinh”. Ta có thể nghĩ rằng Thiền sư Vạn Hạnh vừa là người thảo chiếu, vừa là người thiết kế hoạ đồ cho kinh đô Thăng Long vậy”⁽¹³⁾.

Đến triều Trần, các tăng sĩ cũng có vai trò to lớn đối với nền chính trị quốc gia đương thời. Trần Thái Tông lên ngôi, lâu không sinh được con. Thái sư Trần Thủ Độ đã ép Trần Thái Tông phế hoàng hậu là Chiêu Thánh để lấy Thuận Thiên là vợ của anh trai Trần Thái Tông là Trần Liễu lúc đó đang có mang. Trần Thủ Độ làm như vậy để dòng họ Trần có người kế tục ngay vàng tránh vết xe cũ của nhà Lý. Sau sự kiện này, Trần Thái Tông đã bỏ vương quyền lên núi Yên Tử tu Phật,

triều chính bỏ ngỏ. Với việc Trần Liễu dấy binh chống Trần Thủ Độ, khủng hoảng chính trị đã cận kề, nếu không có hướng giải quyết thì nguy cơ một trận bão táp chính trị sẽ làm vương triều Trần lung lay. Thời điểm đó, Thiền sư Trúc Lâm đã giải quyết sự khủng hoảng tư tưởng cho Trần Thái Tông, chỉ cho nhà vua thấy được nhiệm vụ và bổn phận của đạo làm vương, thuyết phục được nhà vua quay về chấp chính. Thiền sư giải thích: “Trong núi vốn không có Phật. Phật ở trong tâm ta. Nếu tâm ta lắng lại và trí tuệ xuất hiện, đó chính là Phật. Nếu bề hạ giác ngộ được tâm ấy thì thành Phật ngay tại chỗ, không phải đi tìm cực khổ ở bên ngoài... phạm làm đấng nhân quân, thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình và tâm thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón bề hạ về bề hạ không về sao được? Tuy nhiên sự nghiên cứu nội điển xin bề hạ dừng phút nào quên”⁽¹⁴⁾.

Rõ ràng, ngay giai đoạn đầu tiên thiết lập các vương triều Lý, Trần đều có dấu ấn của các vị tăng sĩ. Trong quá trình các vương triều Lý, Trần xây dựng nền độc lập quốc gia, Phật giáo cũng giữ vị trí quan trọng. Cả hai vương triều này đều phải đương đầu với tư tưởng Đại Hán của các thế lực phong kiến Phương Bắc. Muốn có được nền độc lập thật sự cho nước nhà cần phải có một chủ thuyết độc lập, một hệ tư tưởng độc lập làm bề đỡ cho chính quyền. Các vương triều Lý - Trần đã chọn Phật giáo cho hệ tư tưởng triều đại của mình: “Sau năm 938, Phật giáo nhanh chóng phát triển thành hệ tư tưởng của

12. Nguyễn Lang. Sdd, tr.135.

13. Nguyễn Lang. Sdd, tr.136.

14. Nguyễn Lang. Sdd, tr.223.

tập đoàn phong kiến cầm quyền ở Việt Nam trong vòng bốn thế kỉ từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV... Trong giai đoạn Phật giáo là hệ tư tưởng thống trị, nó đã góp phần đưa lại cho giai cấp cầm quyền một đường lối cai trị có nhiều điểm tiến bộ. Đó là thái độ khoan dung, độ lượng, chia sẻ và cảm thông chung, có thái độ sống vì tha nhân nhiều tầng ni, Phật tử đã dấn thân vì dân, vì nước, có người còn là tham mưu cho nhà vua, đi sứ giúp vua, góp phần đưa lại thái bình cho dân tộc⁽¹⁵⁾.

Trong thời kì kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, một bộ phận trong một vài tôn giáo bị thế lực đế quốc và tay sai lợi dụng đã đi ngược lại lợi ích của dân tộc. Giai đoạn này, tuy Phật giáo không còn giữ vai trò định hướng cho công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, nhưng các tăng sĩ và Phật tử cũng đóng góp nhiều nhân tài, vật lực cho công cuộc trường kì kháng chiến. Nhiều tăng sĩ, Phật tử trực tiếp cầm súng chiến đấu, nhiều ngôi chùa là nơi che chở, nuôi giấu cán bộ cách mạng: “Tuyệt đại bộ phận tăng ni, Phật tử vẫn giữ truyền thống yêu nước, gắn bó với dân tộc, vẫn giữ nếp tu hành theo sơn môn tông phái, tham gia tích cực góp sức người, sức của vào thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến chống thực dân Pháp. Đa số tăng ni, Phật tử tham gia Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt các cấp. Nhiều chùa là cơ sở hoạt động hoặc là nơi che giấu cán bộ cách mạng. Đặc biệt ở Nam Bộ, tổ chức Phật giáo Cứu quốc đã thu hút rất đông tăng ni tham gia hoạt động yêu nước⁽¹⁶⁾”.

Trước 1975, ở Miền Nam, các tăng ni, Phật tử luôn đứng về phía đa số nhân dân, đứng về phía lợi ích của dân tộc. Họ tham gia các phong trào phản chiến

mạnh mẽ: “Những năm 1954 - 1975, ở Miền Nam, nhất là vùng đô thị, luôn luôn có phong trào đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn mang nội dung dân tộc dân chủ của giới Phật giáo. Đặc biệt vào buổi đầu những năm 1960 phong trào đấu tranh sôi nổi quyết liệt của Phật giáo đã góp phần quan trọng vào sự sụp đổ của chế độ độc tài Ngô Đình Diệm⁽¹⁷⁾”.

Có thể khẳng định, Phật giáo Việt Nam đã có nhiều đóng góp trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gắn bó với lợi ích của dân tộc Việt Nam.

2.3. Phật giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ đến quá trình hình thành các tôn giáo nội sinh ở Việt Nam

Đối với đạo Cao Đài. Khi nghiên cứu sự ra đời đạo Cao Đài, chúng ta thấy rằng, bên cạnh các yếu tố như sự thất bại của các phong trào đấu tranh của nhân dân Nam Bộ, chính sách bóc lột và nô dịch tàn bạo của thực dân Pháp, sự suy thoái của các tôn giáo truyền thống,... thì Phật giáo cũng là một tác nhân ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành của hình thức tôn giáo mới này. Đạo Cao Đài khai đạo ở chùa Gò Kén tỉnh Tây Ninh, là một cơ sở thờ tự của Phật giáo để đảm bảo được tính thiêng tôn giáo. Nhân vật giảng cơ bút chỉ dẫn việc khai đạo cũng lấy một phần danh xưng của Phật giáo đó là Đấng Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát. Giáo lí của đạo Cao Đài cũng mượn giáo lí của Phật giáo. Lễ nghi của tôn giáo này cũng lấy một số ngày lễ của Phật giáo

15. Học viên Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. *Lí luận về tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*. Nxb Tôn giáo. Hà Nội 2007, tr.129.

16. Nguyễn Thanh Xuân. *Một số tôn giáo ở Việt Nam*. Nxb Tôn giáo. Hà Nội 2005, tr.95.

17. Nguyễn Thanh Xuân. *Sđd*, tr.98.

như ngày vía Phật Thích Ca, ngày vía Phật Bà Quan Âm. Trong đối tượng thờ của đạo Cao Đài có Đức Phật Thích Ca. Những người lập đạo Cao Đài cũng chủ trương rằng, Phật giáo là một bộ phận hình thành đạo Cao Đài.

Đối với đạo Hoà Hảo (Phật giáo Hoà Hảo), thì ảnh hưởng của Phật giáo lại càng lớn. Giáo chủ của đạo Hoà Hảo là người chịu ảnh hưởng mạnh mẽ tư tưởng Phật giáo: “Đặc biệt, ông Huỳnh Phú Sổ rất say mê tư tưởng nhập thế thời nhà Trần, với những hình ảnh rất đẹp của nhà sư cởi áo cà sa khoác chiến bào ra trận cứu nước và của các vua quan nhà Trần vừa tu hành đắc đạo vừa lo việc triều chính vẹn tròn”⁽¹⁸⁾. Trong giáo lí, giới luật của đạo Hoà Hảo kế thừa nhiều từ Phật giáo, có bổ sung thêm đạo lí và tín ngưỡng bản địa. Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà là những đối tượng thờ phụng chính của đạo Hoà Hảo⁽¹⁹⁾.

Đối với Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội. “Tịnh Độ Cư Sĩ Phật hội Việt Nam rất coi trọng đạo đức trong giáo pháp của Phật cho rằng người sống trên đời này không thể thiếu đạo đức, nếu xa lìa đạo đức ngày nào thì khổ cho mình khổ cho người ngày ấy”⁽²⁰⁾. Pháp tu của Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội dựa vào pháp tu Tịnh Độ của Phật giáo nhưng được vận dụng vào đời sống quần chúng nhân dân một cách giản dị, gần gũi và thiết thực hơn. Nói cách khác, trên nền tảng của Phật giáo, Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội đã chuyển hoá các lễ nghi, giáo lí để phù hợp với cuộc sống và nhu cầu tâm linh của những cư dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Ngoài ra, Phật giáo cũng có sự ảnh hưởng rất lớn đến một số hình thức tôn

giáo khác ở Nam Bộ như *Bửu Sơn Kỳ Hương*, *Tứ Ân Hiếu Nghĩa*, v.v... Những hình thức tôn giáo đó đều dựa vào giáo lí Phật giáo, dựa vào cơ sở thờ tự Phật giáo. Giáo chủ hay người đứng đầu của các hình thức tôn giáo này đều là người am hiểu Phật giáo, như Phật Thầy Tây An của Bửu Sơn Kỳ Hương, Ngô Lợi (Ngô Viện) của Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Họ tuy đều chịu ảnh hưởng của Nho giáo, Đạo giáo, nhưng dấu ấn của Phật giáo là rất nổi trội.

III. TẠM KẾT

Những trình bày khái lược ở trên cho thấy, Phật giáo là một trong những tôn giáo ngoại sinh du nhập vào Việt Nam sớm nhất bằng con đường thương mại hoà bình. Đặc điểm này, cùng với tính mềm dẻo, dễ thích ứng của Phật giáo, là những nguyên nhân cơ bản khiến cho Phật giáo được cư dân Việt Nam tiếp nhận dễ dàng.

Không giống như Nho giáo, Đạo giáo, Bà La Môn giáo, v.v... tuy cũng có những thăng trầm trong lịch sử, nhưng đến nay, Phật giáo vẫn có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống tâm linh người Việt Nam. Phật giáo là thành tố chính yếu trong hệ thống tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam. Nó dễ dàng hoà nhập “như sữa hoà với nước” với văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng bản địa. Không những thế, Phật giáo còn là cơ sở quan trọng góp phần hình thành một số tôn giáo nội sinh./.

18. Nguyễn Thanh Xuân. Sđd, tr.360.

19. Xem: Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Minh Ngọc. *Tôn giáo tín ngưỡng các cư dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. Nxb. Phương Đông, 2007, tr.414-415.

20. Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Minh Ngọc. Sđd, tr.368.